

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán									So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi đầu tư phát triển (Chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	...
										Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=4/1	14=5/2	15
	TỔNG SỐ	3,802,962	3,802,962	0	2,980,266	2,989,768	0	0	0	0	0	0	0	78	79	
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC									0						
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	94	94	0	4,104	4,104				0				4,366	4,366	
2	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	47,945	47,945	0	49,183	49,183				0				103	103	
3	Ban QLDA ĐTXD Tỉnh	2,163,339	2,163,339	0	1,661,810	1,661,810				0				77	77	
4	Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	361	361	0	361	361				0				100	100	
5	Công an tỉnh	22,897	22,897	0	43,014	43,014				0				188	188	
6	Văn phòng điều phối Chương trình NTM	151,089	151,089	0	149,006	149,006				0				99	99	
7	Sở Kế hoạch & Đầu tư	26,303	26,303	0	15,408	15,408				0				59	59	
8	Sở Xây dựng	74,400	74,400	0	74,400	74,400				0				100	100	
9	Sở GTVT	36,038	36,038	0	36,179	36,179				0				100	100	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	233	233	0	0	0				0				0	0	
11	Sở Y tế	1,772	1,772	0	1,605	1,605				0				91	91	
12	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1,198	1,198			286				0				0	24	
13	Sở Thông tin và Truyền Thông	2,217	2,217			2,216				0				0	100	

S T T	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán									So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi đầu tư phát triển (Chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	...
										Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
14	Đài Phát thanh - Truyền hình	10,842	10,842	0	1,370	1,370				0				13	13	
15	Liên minh hợp tác xã	7,000	7,000			7,000				0				0	100	
16	UBND Thành phố Đồng Xoài	195,594	195,594	0	141,066	141,066				0				72	72	
17	UBND Thị xã Bình Long	68,912	68,912	0	34,571	34,571				0				50	50	
18	UBND Thị xã Phước Long	80,640	80,640	0	77,380	77,380				0				96	96	
19	UBND Huyện Đồng Phú	128,794	128,794	0	91,397	91,397				0				71	71	
20	UBND Huyện Lộc Ninh	140,017	140,017	0	139,362	139,362				0				100	100	
21	UBND Huyện Bù Đốp	114,791	114,791	0	103,296	103,296				0				90	90	
22	UBND Huyện Bù Đăng	86,813	86,813	0	40,442	40,442				0				47	47	
23	UBND Huyện Chơn Thành	112,875	112,875	0	69,012	69,012				0				61	61	
24	UBND Huyện Hớn Quản	79,283	79,283	0	37,311	37,311				0				47	47	
25	UBND Huyện Bù Gia Mập	87,800	87,800	0	64,880	64,880				0				74	74	
26	UBND Huyện Phú Riềng	161,715	161,715	0	145,109	145,109				0				90	90	